TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 8 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Thanh
2. Ông Võ Văn Cho
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự.
1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm T (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Trường 1, xã Long T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.
2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Q (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp So Đũa L, xã Thạnh X, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17/4/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm T trình bày: Bà và ông Lê Hoàng Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Q không chăm sóc, lo lắng cho vợ con. Bà và ông Q đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn càng ngày trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên vợ chồng không còn chung sống với nhau cách đây khoảng 03 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q .

Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung tên Phạm Gia H (nữ), sinh ngày 28/8/2017. Cháu H hiện đang sống với bà, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Hoàng Q trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian chung sống, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định và nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, ông cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông thống nhất với phần tình bày của bà T có 01 con chung tên Phạm Gia H (nữ), sinh ngày 28/8/2017. Cháu T hiện đang sống với bà T, ông Q đồng ý để bà T nuôi dưỡng cháu H và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. về thủ tục tố tụng: ông Quanh có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 227; Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q ; Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Cẩm T và ông Lê Hoàng Q là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H (nữ), sinh ngày 28/8/2017 cho bà Phạm Thị Cẩm T nuôi dưỡng, ông Lê Hoàng Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Phạm Thị Cẩm T và ông Lê Hoàng Q tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2017, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà T , ông Q phát sinh mâu thuẫn nên bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Quanh. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông Q nhưng có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Q .

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà T , ông Q tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống bà T , ông Q phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau khoảng 03 tháng nay và đến thời điểm ly hôn vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Phạm Thị Cẩm T và ông Lê Hoàng Q là vợ chồng. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa bà T, ông Q giao cháu Phạm Gia H (nữ), sinh ngày 28/8/2017 cho bà Phạm Thị Cẩm T nuôi dưỡng, ông Lê Hoàng Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Từ những

tình tiết chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm T .

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị Cẩm T và ông Lê Hoàng Q h là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H (nữ), sinh ngày 28/8/2017 cho bà Phạm Thị Cẩm T nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Lê Hoàng Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác .

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0014687 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà T đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh